

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Bà Đỗ Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Vân A, sinh năm 1992; số định danh cá nhân: 040192000742; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T (xã B, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Khối T, phường H, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1986; số định danh cá nhân: 038086019375; địa chỉ: Thôn T, xã T (xã B, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng

ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Q (nay là phường H), tỉnh Nghệ An vào ngày 14/06/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu khoảng 1 – 2 năm, sau đó thì đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, việc anh C không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống với nhau, nhưng anh C không thay đổi, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Từ tháng 01/2025 thì vợ chồng chính thức ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Hoàng Vân A xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng H, sinh ngày 28/10/2012 và cháu Lê Ngọc H1, sinh ngày 08/10/2017. Hiện nay hai con đều đang ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị Vân A là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Hoàng H và cháu Ngọc H1; Chị Vân A yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Vân A xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 14 tháng 5 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vân A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Q (nay là phường H), tỉnh Nghệ An vào ngày 14/06/2012. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng đầu năm 2025 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, cụ thể là về việc đối xử với hai bên gia đình nội ngoại, nên giữa hai vợ chồng có xảy ra cãi nhau và anh có đánh vợ mấy cái. Nay chị Vân A yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh C là không đồng ý ly hôn, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Anh Lê Văn C xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng H, sinh ngày 28/10/2012 và cháu Lê Ngọc H1, sinh ngày 08/10/2017, hiện tại cả hai con chung đều đang ở với chị Vân A. Quan điểm của anh C là nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, thì anh đồng ý để chị Vân A được quyền nuôi dưỡng cả hai con chung; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Anh Lê Văn C xác định là vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 08/5/2025, đại diện UBND xã B, huyện T (nay là xã T) cho biết:

Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C có quan hệ là vợ chồng. Anh chị có hộ khẩu thường trú tại: thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Anh C1 và chị Vân A

có đăng ký kết hôn, nhưng đăng ký tại địa phương khác, không đăng ký tại UBND xã B. Quá trình chung sống vợ chồng chị Vân A và anh C1 có 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng H, sinh ngày 28/10/2012 và cháu Lê Ngọc H1, sinh ngày 08/10/2017. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Tại “Văn bản trình bày ý kiến” do cháu Lê Văn Hoàng H và cháu Lê Ngọc H1 viết ngày 18/5/2025 gửi Tòa án, có thể hiện quan điểm là hiện nay các cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại tại Nghệ An, nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là xin được ở với mẹ cho thuận tiện việc sinh hoạt, học hành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn có vi phạm là chậm thụ lý vụ án.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân gia đình” và thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Về hôn nhân:* Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vân A, xử cho chị Hoàng Vân A được ly hôn với anh Lê Văn C.

- *Về con chung:* Căn cứ Điều 81, 82, 83, 107, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H và cháu H1 cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Anh Chương phải cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, tổng là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Chương có quyền được thăm nom con chung, không được ai cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Không yêu cầu xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc

nguyên đơn chị Hoàng Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Buộc bị đơn anh Lê Văn C2 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Vân A khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Văn C, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã B, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn, đã được UBND thị trấn H, huyện Q (nay là phường H), tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Vân A và anh C là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 01/2025 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vân A một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn. Tại phiên hoà giải, anh C có ý kiến là không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, tuy nhiên tại các phiên tòa anh C đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh C cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vân A và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Vân A, xử cho chị Hoàng Vân A được ly hôn với anh Lê Văn C.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C có 02 con chung là cháu Lê Văn Hoàng H, sinh ngày 28/10/2012 và cháu Lê Ngọc H1, sinh ngày 08/10/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Vân A có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng; chị Vân A cũng đã chứng minh được các điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Lê Văn C có ý kiến thể hiện quan điểm là nếu Tòa giải quyết ly hôn, thì anh đồng ý để chị Vân A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18

tuổi). Thực tế hiện nay hai con chung của vợ chồng là cháu Hoàng H và cháu Ngọc H1 đều đang ở với chị Vân A và các con cũng đều có ý kiến thể hiện nguyện vọng là xin được ở với mẹ. Vì vậy cần giao cả hai con chung là cháu Hoàng H và cháu Ngọc H1 cho chị Vân A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Chương có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/tháng, như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C đều có ý kiến xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Vân A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Lê Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Vân A được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C có 02 (hai) con chung là cháu Lê Văn Hoàng H, sinh ngày 28/10/2012 và cháu Lê Ngọc H1, sinh ngày 08/10/2017.

Giao hai con chung là cháu Lê Văn Hoàng H và cháu Lê Ngọc H1 cho chị Hoàng Vân A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Vân A và anh Lê Văn C không có gì và không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hoàng Vân A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ

thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị Vân A đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006229 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa). Như vậy, chị Hoàng Vân A đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Văn C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến